

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-PT

Ngày 13-02-2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí;

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến;

Ông Chu Long Kiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLPT-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2022; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 05/2022/QĐPT – DS ngày 28 tháng 9 năm 2022; Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 04/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2022; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 05/2022/QĐPT- DS ngày 03 tháng 11 năm 2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 41/TB-TDS ngày 30 tháng 11 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 44/TB-TDS ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Thanh V, sinh năm 1960, địa chỉ: Số **, đường K, phường Vi, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nông Đức T, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (theo Giấy ủy quyền số 06, ngày 03/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số **, đường K, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị N: Anh Nông Đức T, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Theo giấy ủy quyền số 06, ngày 03/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn); có mặt;

2. Anh Nông Minh T, sinh năm 1995; vắng mặt;

3. Anh Nông Minh A, sinh năm 1999; có mặt;

Cùng địa chỉ: Số **, đường K, phường Vi, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

4. Anh Nông Đức T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

5. Chị Triệu Thúy T, sinh năm 1976. địa chỉ: Thôn Còn Riêng, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

6. Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn Tùng Tày, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

7. Anh Hoàng Văn T. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

8. Chị Hoàng Thanh T. Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

9. Ông Nông Thanh N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Phố T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

10. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bành Văn D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V (văn bản ủy quyền ngày 30/9/2022); vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Diện tích đất tranh chấp 2.460,8m² trong đó 1 phần diện tích 235,4m² nằm trong một phần thửa đất số 618, một phần diện tích 2225,4m² nằm trong thửa đất số 667 thuộc tờ bản đồ số

01, xã T, huyện V. Tài sản trên đất gồm có 37 cây Hòe, 01 cây Mạy Tàng, 02 cây Dẻ, 02 cây Sau Sau.

Tại biên bản lấy mẫu giám định tuổi cây Hòe nguyên đơn cho rằng cây được trồng năm 2004, còn bị đơn cho rằng cây trồng năm 1990. Kết luận giám định số 64/CNR-VP ngày 12/02/2022 kết luận tuổi cây Hòe là 22 ± 1 năm tuổi, tương ứng trồng năm 2000 (sai số ước tính là ± 1 năm tuổi).

Tại kết luận giám định tư pháp (lồng ghép bản đồ) đã kết luận:

- Diện tích đất tranh chấp 2460,8m² thuộc một phần thửa đất số 667 và 618 tờ bản đồ số 01, xã T, huyện V.

- Lô đất 184, diện tích 2,7ha trên bản đồ giao đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10000 xã Trảng Phái (chủ sử dụng đất ông Hoàng Văn T) trùng với thửa đất số 637, diện tích 26.742m².

- Trồng ghép diện tích đất tranh chấp 2460,8m² thuộc các thửa đất số 618 và 667 không nằm trong diện tích đất 2,7ha, thuộc lô 184, địa danh Pò Pừn đã được cấp sổ bìa xanh cho ông Hoàng Văn T.

- Diện tích đất tranh chấp 2460,8m² thuộc các thửa đất số 618 và 667 nằm trong diện tích 6623,0m² thuộc thửa đất số 667 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Thanh V và bà Triệu Thị N, diện tích trùng 2225,4m².

Tại cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc do bố mẹ là ông Nông Văn P và bà Hoàng Thị P (đều đã chết) khai phá từ những năm 1971-1972. Sau khi khai phá trồng lúa nương, khoai, sắn, khoai sọ, sau đó do trâu bò phá không trồng được nên chuyển sang trồng cây Hòe nhưng không nhớ rõ năm nào, không rõ số lượng cây, năm 1984 tiếp tục trồng 100 cây Hòe, đến năm 1994, năm 1996 tiếp tục đi mua cây hòe về trồng dặm. Năm 2003 Nông Đức T là cháu ruột đã đi lấy cây ở nhà ông Nông Thanh N tự ương về trồng nhưng chỉ biết 02 xọt chứ không biết rõ số lượng. Từ sau năm 2003 đến nay cây Hòe nào chết thì đều đi phát quang và trồng dặm cây hòe con.

Diện tích đất này do bố mẹ đã chết nên các anh em tự đứng ra chia nhau vào năm 2011. Ông Nông Thanh V được chia thửa đất số 667, diện tích 6623,0m², địa chỉ tại: Đ, Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất này ngày 06/9/2011 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, sổ vào sổ GCN: CH00181 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Do đã chuyển ra thành phố Lạng Sơn sinh sống từ năm 1993 không có điều kiện quản lý, canh tác, vì vậy diện tích đất này ông Nông Thanh V để cho cháu là Nông Đức T quản lý, sử dụng và canh tác. Đến tháng 01/2020 thì ông Hoàng Văn M lên phát đòi vào thửa đất số 667. Khi đó anh Nông Văn T đã đến gặp và có ý kiến với ông M, nhưng ông M vẫn cố tình tranh chấp nên đã làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng việc hòa giải không thành; đến tháng 6/2021 ông M lại tiếp tục đi phát vào diện tích đất này, sau đó tháng

7/2021 lại lên trèo hoi. Tài sản trên diện tích đất tranh chấp hiện nay theo ông Vích có 24 cây hoi đường kính từ 15cm-35cm không đều nhau do trồng dặm nhiều lần, ngoài ra còn có 02 cây Sau Sau, các cây gỗ tạp tự mọc và 02 bụi tre do bố mẹ đã trồng từ lâu. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp khoảng 0,2ha thuộc một phần thửa đất số 667, tờ bản đồ số 01, tại Đ, Thôn C, xã T, huyện V.

2. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp gồm 24 cây hoi, 02 cây sau sau, 02 bụi tre và các cây gỗ tạp tự mọc khác trên diện tích đất tranh chấp.

Sau khi xem xét thẩm định tại chỗ và giám định tư pháp nguyên đơn ông Nông Thanh V đã rút một phần yêu cầu đối với diện tích đất 235,4m² thuộc một phần thửa đất số 618 và tài sản gắn liền trên phần đất này.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Hoàng Thị N, anh Nông Minh T, anh Nông Minh A, anh Hoàng Đức T, ông Nông Thanh N đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Văn M trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông cha khai phá và để lại từ năm nào không biết. Trước năm 1980 đưa vào Hợp tác xã, đến năm 1980 Hợp tác xã tan thì lấy lại diện tích đất này để canh tác, khi đó bố mẹ ông M trồng những cây gì thì ông M không biết vì khi đó còn nhỏ. Đến năm 1985 bố mẹ ông M trồng cây Hoi trên đất, nhưng do đất cằn nên cây bị chết, năm 1990 ông M cùng mẹ tiếp tục đi trồng hiện nay còn 04 cây Hoi, đường kính gốc khoảng 21-25cm. Đến ngày 04/10/1995 được Nhà nước cấp sổ bìa xanh, đứng tên ông Hoàng Văn T là bố đẻ ông Mạnh, thuộc số lô 184, diện tích 2,7ha, địa danh P, Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi được cấp sổ bìa xanh gia đình ông M tiếp tục trồng dặm cây Hoi con, cụ thể năm 1997 và hàng năm vẫn trồng dặm nhưng do đất cằn nên số cây sống rất ít. Hiện nay trên phần đất tranh chấp chỉ có khoảng 24 cây hoi, do ông M trồng, trong đó có 04 cây trồng từ năm 1990, số cây còn lại do trồng dặm nhiều lần nên không nhớ rõ năm nào. Trên phần đất tranh chấp từ trước đến nay vẫn do ông M quản lý, canh tác, còn ông Nông Thanh V, anh Nông Đức T chưa quản lý, sử dụng bao giờ nhưng không biết vì sao ông Nông Thanh V lại được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông V được cấp khi nào anh M không biết, không được ký giáp ranh, sau này xảy ra tranh chấp mới biết ông V đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này bản thân ông M chưa bao giờ đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn trước đây bố mẹ có đi kê khai không thì không biết. Nay bố mẹ đã chết nên diện tích đất này các anh em trong gia đình thống nhất để cho ông M và em trai Hoàng Văn T quản lý, sử dụng. Phần đất giáp ranh giữa đất của ông M và ông Nông Thanh V và bà Hoàng Thị T có ranh giới rõ ràng, có khe làm ranh giới. Ngoài ra phần đất của

ông M giáp đất nhà ông V còn có rãnh làm ranh giới do ai đào và đào từ khi nào ông M không biết, hiện nay ranh giới này vẫn còn. Ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và sử dụng toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp là cây Hôi và cây tạp mọc trên đất. Quá trình giải quyết vụ án ông bổ sung yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Nông Thanh V phần cấp lấn sang đất gia đình ông Hoàng Văn M đã được cấp sổ bìa xanh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà Triệu Thúy T, đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất và các yêu cầu của nguyên đơn đưa ra để yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng bà không biết vị trí đất tranh chấp, không biết nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T (em trai ông M) trình bày: Anh không nắm được nguồn gốc đất, không được quản lý, canh tác trên phần đất tranh chấp; không biết diện tích đất này đã được cấp sổ bìa xanh hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa. Đất đã được anh em trong gia đình chia cho anh và ông M quản lý, sử dụng, nay yêu cầu giải quyết cho ông M tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

Chị Hoàng Thị T là con gái ông Hoàng Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không đến viết bản khai, không lấy được lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L (chị gái ruột của ông M) trình bày: Khi còn nhỏ có được cùng bố mẹ đi khai phá, sau khi khai phá trồng cây gì trên đất bà không nhớ. Năm 1995 được cấp sổ bìa xanh thì tiến hành trồng cây Hôi, từ đó đến nay không trồng thêm cây gì khác mà chỉ phát quang và thu hái hôi. Diện tích đất này các anh em trong gia đình đã chia cho anh Hoàng Văn T và Hoàng Văn M cùng sử dụng. Tại phiên tòa bà L cho rằng không biết diện tích đất tranh chấp ở vị trí nào, không biết số lô, số thửa, không biết về quá trình quản lý, sử dụng đất, bản thân bà L cũng không được canh tác trồng cây gì trên đất.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Thanh V và bà Hoàng Thị N là đúng trình tự, thủ tục, đúng đối tượng. Căn cứ các tài liệu, hồ sơ và kết luận giám định tư pháp thấy rằng việc yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn M là không có cơ sở.

Tại công văn số 138a/UBND ngày 15/02/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Khu đất tranh chấp có nguồn gốc từ năm 1980 là do gia đình ông Nông Văn P (Bố ông V) canh tác và sử dụng trồng lúa nương và trồng cây rong riềng... Từ năm 1980 đến năm 2017 do gia đình ông Nông Văn Ngân em trai ông Nông Thanh V quản lý, trông coi. Tháng 8/2012 tiến hành đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp, thửa đất số 667 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nông Thanh V. Tuy nhiên hàng năm do anh Nông Đức T là

cháu ông V quản lý và hái hoi. Khu đất tranh chấp là đất rừng sản xuất, không quy hoạch vào đất an ninh quốc phòng, đất rừng phòng hộ. Theo các ý kiến của các nhân chứng sống lâu năm và hiểu rõ về nguồn gốc khu đất tranh chấp và tài liệu khác liên quan như sổ mục kê, sổ địa chính...thửa đất 667 ngoài thực địa đúng vị trí trên bản đồ đất lâm nghiệp. Do đó có thể giao cho hộ ông Nông Thanh V tiếp tục quản lý, sử dụng.

Người làm chứng ông Nông Tuấn K (em trai ông V) trình bày: Diện tích đất tranh chấp do bố mẹ khai phá trồng lúa nương, trồng sắn và do ông Nông Sỹ N quản lý. Năm 2011 chia khu rừng này cho anh V quản lý sau đó ông V giao rừng cho cháu là Nông Đức T quản lý, trèo hái hoi.

Người làm chứng ông Triệu Văn Y; Hoàng Văn N; Nông Văn L; bà Ngô Thị Y; bà Hoàng Thị N cho rằng từ nhỏ vẫn thường xuyên đi lại qua khu rừng này được biết khu rừng này là của gia đình ông V, trước đây do ông Nông Sỹ N quản lý chăm sóc và trồng cây. Sau đó chia cho ông V quản lý sử dụng, thu hái hoi, còn anh Hoàng Văn M không có đất ở đây mà chỉ có anh Thắng em trai của anh M có đất giáp với rừng ông Vích, ranh giới giữa hai nhà là khe.

Bà Triệu Kim D mẹ anh Nông Đức T trình bày: Nguồn gốc đất từ khi bà về làm dâu năm 1982 đã được đi tía cây hoi về trồng ở diện tích đất tranh chấp, năm 1994 tiếp tục trồng Hoi khoảng 100 cây. Năm 2011 chia thửa đất này cho ông Nông Thanh V quản lý, sử dụng sau đó ông Vích giao cho cháu T quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 582/QĐ-SCBSBA ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích 2.225,4m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181 ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm C,D,E,F,G,H,K,A,L khép về C trên sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp ngày 19/01/2022 kèm theo và toàn bộ tài sản trên đất là 32 cây Hoi (đã trừ 01 cây cắt làm mẫu giám định); 01 cây Mạy Tảng; 02 cây Hạt Dẻ; 02 cây Sau Sau.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

2. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với phần diện tích diện tích 235,4m² thuộc một phần thửa đất số 618, tờ bản đồ số 01 bản đồ đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cùng toàn bộ tài sản

trên diện tích đất này là 04 cây Hôi. Được xác định theo các điểm A,B,C,L khép về A trên sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp ngày 19/01/2022.

3. Ông Nông Thanh V phải chịu chi phí tố tụng với số tiền 2.161.000 đồng. Ông Hoàng Văn M phải chịu chi phí tố tụng là 20.420.000 đồng. Nay ông Hoàng Văn M phải hoàn trả cho ông Nông Thanh V số tiền 16.420.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Hoàng Văn M có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau:

Yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản gắn liền với đất; không nhất trí với khoản thanh toán chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản, chi phí giám định tuổi cây và giám định tư pháp; không nhất trí chịu án phí sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm:

Bị đơn ông Hoàng Văn M có đơn đề nghị trưng cầu giám định đối với lô đất 184 theo hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cấp năm 1995 cho hộ ông Hoàng Văn T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập được bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998 thể hiện có 02 lô đất đều ghi số hiệu 184.

Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành xem xét thẩm định bổ sung tại chỗ đối với diện tích đất tranh chấp để xác định vị trí đất tranh chấp theo bản đồ nào, cũng như xem xét quá trình thực quản lý sử dụng của các bên đương sự. Qua xem xét thẩm định xác định diện tích đất tranh chấp là 2.297m² trong đó diện tích 2.212m² thuộc một phần thửa 667 và diện tích 85m² thuộc một phần thửa 618, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T lập năm 2012.

Tại công văn số 115/TNMT ngày 27/10/2022 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác định: Năm 1995, hộ ông Hoàng Văn T đã được UBND huyện V giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ bì xanh) đối với thửa đất số 184, diện tích 2,7ha, có địa danh P theo Quyết định số 351/UB-QĐ ngày 06/12/1995 theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:10,000, qua kiểm tra trên bản đồ không thể hiện thời gian thực hiện.

Theo kết luận giám định tư pháp xác định: Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:10,000 không thể hiện thời gian thực hiện là bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Tràng Phái thực hiện năm 1998, căn cứ xác định thời gian thực hiện theo Sổ lâm bạ năm 1998. Diện tích đất tranh chấp có vị trí phù hợp với các lô đất số: 184, 190 và 191 tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1998. Tuy nhiên do khoanh vẽ bằng phương pháp thủ công nên căn cứ địa hình, địa vật cùng trên các loại bản đồ trên để thực hiện chồng, ghép bản đồ chỉ xác định tương đối vị trí, ranh giới; không tính toán được chính xác diện tích chồng, lấn.

Tại phiên tòa:

Phía bị đơn ông Hoàng Văn M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và chỉ yêu cầu tòa án giải quyết theo diện tích Tòa án cấp phúc thẩm đi xem xét thẩm định lần hai đồng thời rút phần diện tích 85 m² thuộc thửa đất 618 thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Qua hòa giải, các bên đương sự đã tự thỏa thuận, cụ thể:

Nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.528 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, B1, A4, A5, A6, P3, A7, P2, A8, A9 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý.

Bị đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 684 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, P1, A1, A2, B1 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý.

Số tiền chi phí tố tụng bao gồm tiền xem xét thẩm định, tiền trích đo sơ họa, tiền giám định, chồng ghép bản đồ là 40.374.000 đồng. Ông Nông Thanh V tự chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng; ông Hoàng Văn M tự chịu 25.374.000 đồng; ông Hoàng Văn M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Thanh V số tiền 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa ông Hoàng Văn M đã đưa đủ cho ông Nông Thanh V số tiền này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn M trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273, 274 Bộ luật tố tụng dân sự kháng cáo là hợp lệ.

Tại cấp phúc thẩm, ngày 06/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xem xét thẩm định bổ sung, hai bên đương sự xác định lại diện tích đất tranh chấp là 2.212m² thuộc một phần thửa 667. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung vụ án. Về diện tích đất và tài sản trên đất: nguyên đơn được quản lý sử dụng diện tích đất 1.528m² xác định theo các điểm A10, B1, A4, A5, A6, P3, A7, P2, A8, A9 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và sở hữu tài sản cây trên đất. Bị đơn được quản lý sử dụng diện tích đất 684m² xác định theo

các điểm A10, P1, A1, A2, B1 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và sở hữu tài sản cây trên đất. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn chịu 15.000.000 đồng; Bị đơn chịu 25.374.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn M tự nguyện chịu.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại cấp phúc thẩm, Tòa án có thu thập được Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:10,000 không thể hiện thời gian thực hiện, trên bản đồ có 02 lô đất đều ghi số hiệu 184. Do đó ngày 06/9/2022, Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét thẩm định bổ sung xác định diện tích đất tranh chấp và diện tích các bên đương sự thực tế quản lý sử dụng. Qua xem xét thẩm định xác định được đất tranh chấp có diện tích 2.297m² trong đó diện tích 85m² thuộc một phần thửa 618; diện tích 2.212m² thuộc một phần thửa 667, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T lập năm 2012. Phần diện tích 85m² thuộc một phần thửa đất số 618 cùng toàn bộ tài sản trên đất. Phía nguyên đơn đã rút yêu cầu, việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về giải quyết vụ án, cụ thể:

[4]. Nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.528 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, B1, A4, A5, A6, P3, A7, P2, A8, A9 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý trong phạm vi diện tích đất nêu trên.

[5] Bị đơn được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 684 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, P1, A1, A2, B1 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý trong phạm vi diện tích đất nêu trên.

[6] Số tiền chi phí tố tụng gồm tiền xem xét thẩm định, tiền trích đo sơ họa, tiền giám định, chồng ghép bản đồ là 40.374.000 đồng. Ông Nông Thanh V tự chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng; ông Hoàng Văn M tự chịu 25.374.000 đồng; ông Hoàng Văn M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Thanh V số tiền 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa ông Hoàng Văn M đã đưa đủ cho ông Nông Thanh V số tiền này.

[7] Xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử cần công nhận thỏa thuận này.

[8] Về án phí: Do các bên đương sự tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nên bị đơn ông Hoàng Văn M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, 5 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 1, 5 Điều 161; Điều 162; khoản 1, 5 Điều 165; Điều 166; Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 160, 161, 163, 164, 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 105, 107, 123 Luật đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 95, khoản 3 Điều 100; các Điều 166; 170, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc giải quyết một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với phần diện tích diện tích 85m² thuộc một phần thửa đất số 618, tờ bản đồ số 01 bản đồ đất lâm nghiệp xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, cùng toàn bộ tài sản trên diện tích đất này. Được xác định theo các điểm A2, A3, A4, B1 trên sơ đồ đo vẽ khu đất tranh chấp ngày 06/10/2022.

2. Nguyên đơn hộ ông Nông Thanh V được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 1.528 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, B1, A4, A5, A6, P3, A7, P2, A8, A9 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý trong phạm vi diện tích đất nêu trên.

3. Bị đơn hộ ông Hoàng Văn M được quyền quản lý sử dụng diện tích đất 684 m² thuộc một phần thửa đất số 667, thuộc tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 387115, số vào sổ GCN: CH00181, ngày 06/9/2011 đứng tên hộ ông Nông Thanh V, bà Hoàng Thị N. Được xác định theo các điểm A10, P1, A1, A2, B1 trên sơ đồ đo vẽ khu đất và được quyền sở hữu tài sản là cây trồng, cây tạp gắn liền với đất do mình được quản lý trong phạm vi diện tích đất nêu trên.

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

4. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí tố tụng gồm tiền xem xét thẩm định, tiền trích đo sơ họa, tiền giám định, chồng ghép bản đồ là 40.374.000 đồng. Ông Nông Thanh V tự chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí tố tụng; ông Hoàng Văn M tự chịu 25.374.000 đồng; ông Hoàng Văn M có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Thanh V số tiền 3.500.000 đồng, xác nhận: Tại phiên tòa ông Hoàng Văn M đã đưa đủ cho ông Nông Thanh V số tiền này.

5. Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước và chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Hoàng Văn M đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006069 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện V, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, T.Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP./.

Vi Đức Trí

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Đức Chiến

Chu Long Kiêm

Vi Đức Trí